

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **86/2023/DS-ST**

Ngày: 06-9-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tiền.

2. Ông Trịnh Hồng Hà.

- Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 227/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Hồ Thị Mỹ Asinh năm 1960. Trú tại: số B, ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trung H năm 1989. Trú tại: số I, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre

* Bị đơn: Võ Thị Thu B năm 1971. Trú Tại : số B, ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trung H trình bày:*

Từ năm 2018 đến năm 2020 bà Võ Thị Thu B1 mượn tiền của bà Hồ Thị Mỹ A lần, cụ thể:

- Đầu năm 2018 mượn số tiền 200.000.000 đồng.

- Ngày 04/5/2018 mượn 400.000.000 đồng.

- Ngày 02/01/2020 mượn 500.000.000 đồng

Tổng số tiền bà T mượn của bà M A03 lần là 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng) không tính lãi suất, bà T1 Bmượn tiền của bà Mỹ A1 để mua đất, thế chợ. Khi làm giấy nợ bà TBa hẹn 10 ngày hoặc 1 tháng nhưng đến hẹn không trả. Nhiều lần bà Mỹ A2 cầu bà T trả cho bà số tiền còn thiếu nhưng bà T cứ hẹn rồi không thực hiện.

Vì vậy bà M A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Thu B2 cho bà số tiền còn nợ là 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng) và tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Số tiền 500 triệu đồng tính từ ngày 13/01/2020 đến khi trả xong nợ, lãi suất 0,83%/tháng.

- Số tiền 600 triệu đồng tính lãi suất 0,83%/tháng từ ngày thụ lý vụ án đến khi trả xong nợ.

Bị đơn bà Võ Thị Thu B3 trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà T đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của bà T1 B.

Tại tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm như sau:

- *Về tố tụng:* Người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật. Người tham gia tố tụng là bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung:* Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c, khoản 1 Điều 39 BLTTDS; Điều 463, 465, 466 và 468 BLDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Mỹ A3 với bà Võ Thị Thu B3. Ghi nhận việc tại Tòa ông H2 diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi suất. Buộc bà Võ Thị T2 phải trả cho bà Hồ Thị Mỹ A4 số tiền 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Hồ Thị Mỹ A4 đối với bà Võ Thị Thu B3 thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Võ Thị T2 cư trú tại ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bà Võ Thị Thu B3 được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để hòa giải và lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà T2 là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Hồ Thị Mỹ A5 bà Võ Thị T3 BTheo đơn khởi kiện, lời trình bày của đại diện ủy quyền của nguyên đơn cũng như chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: bà Mỹ A4 có cho bà T2 vay 03 lần tiền với tổng số tiền là 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng), có lập giấy mượn tiền, không thỏa thuận lãi suất. Cụ thể:

- Giấy mượn tiền không ghi ngày tháng, Bà T2 mượn 200.000.000 đồng, không có lãi, không có thời gian trả, do bà T2 ký là người mượn tiền và bà Chung Thục Q người làm chứng.

- Giấy mượn tiền ngày 04/5/2018 bà T2 mượn 400.000.000 đồng, không có lãi, không có thời gian trả, do bà T2 ký là người mượn tiền và có chứng kiến của bà Chung Thục Q1

- Giấy mượn tiền ngày 02/01/2020, Bà T2 mượn 500.000.000 đồng, không có lãi, thời gian 10 ngày trả, do bà Thu B4 là người mượn tiền.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản Kết luận giám định số 379/2023/KL-KTHS ngày 13/6/2023 của phòng Kcông an tỉnh Bthì chữ viết và chữ ký trong 02 giấy mượn tiền ngày 04/5/2018 và ngày 02/01/2020 là do cùng một người viết và ký; tuy nhiên chữ ký trên giấy mượn tiền không ghi ngày tháng nội dung Bà T2 mượn 200 triệu đồng thì không đủ cơ sở để kết luận. Nhưng do trên giấy mượn tiền này có người làm chứng là bà Chung Thục Q1 tại biên bản làm việc ngày 01/8/2023 nên có cơ sở để xem xét. Phía bị đơn bà Võ Thị Thu B5 dù đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ và họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không đến tham gia tố tụng và cũng không cung cấp được chứng cứ, tài liệu phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên coi như bị đơn từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Từ đó cho thấy, việc bà Mỹ A6 rằng bà T2 mượn tiền là có thật, bà Mỹ A4 đã nhiều lần đòi tiền nhưng bà T2 cứ hẹn rồi không thực hiện. Do đó căn cứ Điều 463, 466 BLDS 2015 bà Mỹ A2 cầu bà T2 trả tổng số tiền của 03 lần vay là 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận. Tại Tòa ông H2 diện theo ủy quyền của bà Mỹ A7 yêu cầu tính lãi nên được ghi nhận.

[4] Về án phí: do yêu cầu của bà M A được chấp nhận nên bà T2 phải chịu án phí theo Nghị quyết số: 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 463, 464, 465, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Mỹ A4 đối với bà Võ Thị Thu B3.

2. Buộc bà Võ Thị Thu B1 trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị Mỹ A4 số tiền 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Võ Thị T2 phải nộp số tiền là 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu) đồng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Thị Tiến